

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 6 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định nội dung và biện pháp thi hành trong sổ hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 895/TTr-VP ngày 05 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Những hành vi bị nghiêm cấm khi tham gia Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Điều 8 Luật An ninh mạng năm 2018 và Điều 6 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“ Điều 9. Lựa chọn, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Các cơ quan thực hiện TTHC có trách nhiệm rà soát, đánh giá sự phù hợp của TTHC và các quy định có liên quan đến TTHC với triển khai dịch vụ công trực tuyến gửi Văn phòng UBND tỉnh xem xét, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, triển khai tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo đúng quy định tại Điều 23 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, từ chối hồ sơ trực tuyến không muộn hơn 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi nộp hồ sơ trực tuyến thành công. Trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến ngoài giờ làm việc thì thời điểm để tính thời gian tiếp nhận hồ sơ được tính từ giờ làm việc kế tiếp.

Quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC quy định tại Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (đã được bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP)”.

4. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 21a Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, Thông tư số 13/2023/TT-BNV và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 2 như sau:

"Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

a) Chủ trì tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai, thực hiện Quy chế này; định kỳ hằng quý/năm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (lồng ghép vào báo cáo kiểm soát TTHC quý/năm) và báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu).

Hàng tháng/quý/năm tổng hợp, đánh giá kết quả việc tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan".

b) Bổ sung điểm g, h khoản 2 như sau:

"g) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện kết nối, đồng bộ đầy đủ, chính xác dữ liệu hồ sơ TTHC được tiếp nhận trên các phần mềm chuyên ngành của bộ, ngành trung ương vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

h) Đồng bộ đầy đủ dữ liệu thông tin giải quyết TTHC từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm đánh giá chính xác chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ".

c) Bổ sung điểm c, d khoản 3 như sau:

"c) Thường xuyên theo dõi, ưu tiên bố trí máy chủ, ổ cứng có tốc độ đọc ghi cao và dung lượng lưu trữ lớn, nhanh chóng, kịp thời xử lý các sự cố phát sinh, đảm bảo cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt để đáp ứng nhu cầu sử dụng của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện TTHC.

d) Thực hiện việc sao lưu dữ liệu hàng ngày, tuyệt đối không được để mất dữ liệu. Đồng thời tăng cường giám sát, đánh giá an toàn cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong kết nối, khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết

TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; không để xảy ra bất cứ lỗi hỏng, thiếu sót dẫn đến lộ, lọt thông tin. Thông báo, phối hợp kịp thời với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh khi thực hiện bảo dưỡng, nâng cấp hoặc khi máy chủ gặp sự cố làm ảnh hưởng đến hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.”.

d) Sửa đổi khoản 7 như sau:

" Trách nhiệm của các doanh nghiệp bưu chính

Thực hiện chuyển phát hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC hoặc số hóa hồ sơ và các nội dung khác liên quan đến tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp (nếu có).".

6. Bỏ cụm từ “mức độ 3, mức độ 4” tại Điều 9 và điểm a, điểm đ khoản 2, điểm a, điểm b khoản 5 Điều 18 Quy chế này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, CNTT, KSTTHCNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi